

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
ĐỢT XÉT TUYỂN: TUYỂN SINH ĐỢT 1
NGÀNH: SP LỊCH SỬ

(Đính kèm theo quyết định số 2992/QĐ-ĐHSP, ngày 13 tháng 08 năm 2016 của Hiệu trưởng - Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Tên quận huyện	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có UT	Điểm ưu tiên quy đổi	Tổng điểm có UT
1	YTB000503	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	18/04/1998	Nữ	034198000300	2NT		Thái Bình	Huyện Thái Thụy	VA	7,5	SU	5,5	DI	4,75	17,75	1	18,75
2	TND000355	TRẦN THỊ ANH	08/11/1998	Nữ	091888847	1	01	Thái Nguyên	Huyện Đại Từ	VA	6	SU	3,5	DI	6,5	16	3,5	19,5
3	KQH001332	MÃ THỊ BÀ Y	13/01/1998	Nữ	095244950	1	01	Bắc Kạn	Huyện Ba Bể	VA	6	SU	4,25	DI	5,75	16	3,5	19,5
4	KHA000717	PHẠM THỊ CHI	16/08/1998	Nữ	122248484	1		Bắc Giang	Huyện Lục Ngạn	VA	5,5	SU	6,5	DI	6,75	18,75	1,5	20,25
5	LPH000288	BÀN THỊ CHÍCH	11/11/1998	Nữ	063476201	1	01	Lào Cai	Huyện Văn Bàn	VA	6,5	SU	4	DI	6,75	17,25	3,5	20,75
6	TND000743	NGUYỄN THỊ CHINH	10/12/1998	Nữ	091918122	1		Thái Nguyên	Thị xã Phổ Yên	VA	7	SU	6,75	DI	6	19,75	1,5	21,25
7	LPH000342	SỈN PHƯƠNG CHUYỀN	15/09/1998	Nữ	063469023	1	01	Lào Cai	Huyện Bát Xát	VA	6,5	SU	4	DI	4,75	15,25	3,5	18,75
8	GHA000819	NGUYỄN THỊ DUNG	02/05/1997	Nữ	125674537	2NT		Bắc Ninh	Huyện Yên Phong	VA	6,25	SU	4,5	DI	8,25	19	1	20
9	XDA000612	LƯƠNG TIẾN DŨNG	11/06/1998	Nam	082313309	1	01	Lạng Sơn	Huyện Bình Gia	VA	4,25	SU	7,25	DI	6	17,5	3,5	21
10	DTZ000221	NGUYỄN VIỆT DŨNG	24/07/1998	Nam	095265198	1	01	Bắc Kạn	Huyện Na Rì	VA	5,75	SU	4,75	DI	6	16,5	3,5	20
11	SPH001862	PHAN LẠC DŨNG	27/12/1998	Nam	001098002977	1		Hà Nội	Huyện Ba Vì	VA	7,5	SU	4,5	DI	6,75	18,75	1,5	20,25
12	DTS000290	LƯƠNG THỊ KIM DUYÊN	02/10/1997	Nữ	073468120	1	01	Hà Giang	Huyện Bắc Quang	VA	6,5	SU	4	DI	4,75	15,25	3,5	18,75
13	TND001229	TẠ THỊ DUYÊN	13/05/1998	Nữ	091744935	2		Thái Nguyên	Huyện Đồng Hỷ	VA	4,25	SU	7,75	DI	6,5	18,5	0,5	19

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV U'T	ĐT U'T	Tên tỉnh	Tên quận huyện	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có U'T	Điểm ưu tiên quy đổi	Tổng điểm có U'T
14	TDV003148	VI THỊ DUYÊN	11/02/1998	Nữ	187512001	1	01	Nghệ An	Huyện Tân Kỳ	VA	6,25	SU	3,75	DI	6,25	16,25	3,5	19,75
15	TND001498	DƯƠNG VĂN ĐÔNG	18/08/1997	Nam	091927810	2NT		Thái Nguyên	Huyện Phú Bình	VA	6,5	SU	7,75	DI	7,75	22	1	23
16	DTZ000287	TRIỆU TRUNG ĐỨC	02/04/1997	Nam	095229019	1	01	Bắc Kạn	Huyện Ngân Sơn	VA	6,75	SU	5,5	DI	4,5	16,75	3,5	20,25
17	LNH001486	NGUYỄN THỊ THANH HÀ	16/10/1998	Nữ	001198012086	2		Hà Nội	Huyện Ứng Hòa	VA	7	SU	7	DI	5,5	19,5	0,5	20
18	KHA001993	ĐINH VĂN HÀO	03/02/1996	Nam	122282661	1		Bắc Giang	Huyện Tân Yên	VA	6,5	SU	5,25	DI	5,25	17	1,5	18,5
19	TND002162	NÔNG THỊ MỸ HẰNG	16/12/1998	Nữ	091749155	1	01	Thái Nguyên	Huyện Võ Nhai	VA	5,75	SU	4,75	DI	6	16,5	3,5	20
20	DTZ000370	TRẦN THỊ HẰNG	01/11/1998	Nữ	095273588	1	01	Bắc Kạn	Huyện Chợ Đồn	VA	7,75	SU	7	DI	7,5	22,25	3,5	25,75
21	NTH001564	LAN THỊ THANH HẬU	03/08/1998	Nữ	101264559	1	01	Quảng Ninh	Huyện Ba Chẽ	VA	4,5	SU	6,5	DI	6,5	17,5	3,5	21
22	DCN004366	TRẦN VŨ THU HIỀN	08/08/1998	Nữ	036198000310	2NT		Nam Định	Huyện Vụ Bản	VA	6	SU	6,5	DI	5,75	18,25	1	19,25
23	GHA001938	NGUYỄN TUẤN HIỆP	19/03/1997	Nam	125740431	2NT		Bắc Ninh	Huyện Gia Bình	VA	6	SU	7,25	DI	8,25	21,5	1	22,5
24	LPH001018	TRẦN THU HOÀI	02/11/1998	Nữ	063493102	1	01	Lào Cai	Huyện Bảo Yên	VA	6,5	SU	3,5	DI	6,5	16,5	3,5	20
25	TND002802	NGUYỄN HUY HOÀNG	08/01/1998	Nam	091719803	1		Thái Nguyên	Huyện Phú Lương	VA	6,75	SU	6,5	DI	6,75	20	1,5	21,5
26	DTS000644	SẦM VIỆT HOÀNG	11/09/1997	Nam	073467923	1	01	Hà Giang	Huyện Bắc Quang	VA	4,75	SU	5,25	DI	4,25	14,25	3,5	17,75
27	TQU000969	HỨA THỊ HOÈ	30/10/1998	Nữ	071068252	1	01	Tuyên Quang	Huyện Chiêm Hóa	VA	5,75	SU	5	DI	7	17,75	3,5	21,25
28	TND002995	CHU THỊ HUỆ	12/07/1998	Nữ	091887398	1	01	Thái Nguyên	Huyện Đại Từ	VA	5,25	SU	4	DI	6,25	15,5	3,5	19
29	XDA001492	TRIỆU THỊ HUỆ	01/04/1998	Nữ	082307275	1	01	Lạng Sơn	Huyện Chi Lăng	VA	5,75	SU	7,75	DI	7,25	20,75	3,5	24,25
30	DTZ000528	NÔNG THỊ KHÁNH HUYỀN	27/10/1998	Nữ	095273083	1	01	Bắc Kạn	Thành phố Bắc Kạn	VA	6	SU	4,5	DI	5,5	16	3,5	19,5

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV U'T	ĐT U'T	Tên tỉnh	Tên quận huyện	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có U'T	Điểm ưu tiên quy đổi	Tổng điểm có U'T
31	NTH002217	NGUYỄN ĐÀO KHÁNH HUYỀN	22/09/1998	Nữ	030198000435	2NT		Quảng Ninh	Thị xã Đông Triều	VA	6,5	SU	6,25	DI	5,5	18,25	1	19,25
32	TND003415	DƯƠNG VĂN HÙNG	11/03/1998	Nam	091930986	2NT		Thái Nguyên	Huyện Phú Bình	VA	6,5	SU	6,5	DI	7,5	20,5	1	21,5
33	KHA003425	ĐOÀN THỊ HƯƠNG	24/12/1998	Nữ	122311231	1		Bắc Giang	Huyện Lạng Giang	VA	6,5	SU	5,25	DI	5,5	17,25	1,5	18,75
34	TND003552	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	05/02/1998	Nữ	091877070	2		Thái Nguyên	Thành phố Thái Nguyên	VA	7,5	SU	6	DI	6,25	19,75	0,5	20,25
35	KQH006702	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	23/10/1998	Nữ	001198013724	2		Hà Nội	Huyện Sóc Sơn	VA	7,5	SU	5,5	DI	6,75	19,75	0,5	20,25
36	DTK000931	TRẦN THU HƯƠNG	20/05/1998	Nữ	085057970	1		Cao Bằng	Thành phố Cao Bằng	VA	7	SU	5	DI	6,25	18,25	1,5	19,75
37	SPH004762	CHU THÚY HƯỜNG	09/09/1998	Nữ	001198003144	1		Hà Nội	Huyện Ba Vì	VA	8	SU	5	DI	5,5	18,5	1,5	20
38	NTH002483	LAN THỊ THÚY HƯỜNG	03/08/1998	Nữ	101264557	1	01	Quảng Ninh	Huyện Ba Chẽ	VA	5,5	SU	5,25	DI	7,25	18	3,5	21,5
39	DTS000836	HOÀNG THỊ KÍNH	17/08/1996	Nữ	073464281	1	01	Hà Giang	Huyện Quang Bình	VA	6	SU	2,25	DI	6,25	14,5	3,5	18
40	TND003703	ĐÀO THỊ NGỌC KHÁNH	12/07/1998	Nữ	091931050	2NT		Thái Nguyên	Huyện Phú Bình	VA	6,25	SU	8,25	DI	8,5	23	1	24
41	GHA002941	ĐOÀN VIỆT KHÁNH	04/10/1998	Nam	125878045	2		Bắc Ninh	Thành phố Bắc Ninh	VA	5,25	SU	7,75	DI	8,75	21,75	0,5	22,25
42	NTH002637	PHẠM THẢO LAN	13/05/1998	Nữ	022198001571	1		Quảng Ninh	Thành phố Hạ Long	VA	7	SU	6,5	DI	5,5	19	1,5	20,5
43	DTZ000656	TRIỆU THỊ KHÁNH LIÊN	07/12/1998	Nữ	095238133	1	01	Bắc Kạn	Huyện Na Rì	VA	6	SU	4,75	DI	8	18,75	3,5	22,25
44	DTK001127	HOÀNG THỊ LINH	26/12/1997	Nữ	085100819	1	01	Cao Bằng	Huyện Hà Quảng	VA	6	SU	6,25	DI	6	18,25	3,5	21,75
45	TND004211	LƯƠNG THỊ THUỶ LINH	18/08/1998	Nữ	091887666	1	01	Thái Nguyên	Huyện Đại Từ	VA	7,5	SU	7,5	DI	5,25	20,25	3,5	23,75
46	KQH007911	NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	14/04/1998	Nữ	001198013435	2		Hà Nội	Huyện Thạch Thất	VA	6,75	SU	5,5	DI	7,25	19,5	0,5	20
47	THV003257	NGUYỄN THÙY LINH	27/10/1998	Nữ	132379454	1		Phú Thọ	Huyện Hạ Hòa	VA	4,5	SU	7	DI	8,5	20	1,5	21,5

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV U'T	ĐT U'T	Tên tỉnh	Tên quận huyện	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có U'T	Điểm ưu tiên quy đổi	Tổng điểm có U'T
48	SPH005819	PHÙNG PHƯƠNG LINH	06/01/1998	Nữ	017416004	2		Hà Nội	Thị xã Sơn Tây	VA	7	SU	6	DI	6,75	19,75	0,5	20,25
49	TND004470	NGUYỄN PHƯƠNG LOAN	28/08/1998	Nữ	091902327	2		Thái Nguyên	Thành phố Sông Công	VA	6,5	SU	4	DI	6,5	17	0,5	17,5
50	TND004526	TĂNG NHẬT LONG	12/08/1998	Nam	091911186	2NT		Thái Nguyên	Thị xã Phổ Yên	VA	6,75	SU	3,5	DI	6,75	17	1	18
51	TQU001539	CHÂU THỊ LUYỀN	20/02/1998	Nữ	071048579	1	01	Tuyên Quang	Huyện Chiêm Hóa	VA	7	SU	6	DI	5,5	18,5	3,5	22
52	DTK001201	NÔNG THỊ LUYẾN	18/07/1998	Nữ	085069966	1	01	Cao Bằng	Huyện Trùng Khánh	VA	5,25	SU	5,5	DI	6,75	17,5	3,5	21
53	THP001625	ĐẶNG KIỀU NGỌC LY	26/10/1998	Nữ	113682254	1		Hoà Bình	Huyện Lạc Thủy	VA	5,75	SU	7,5	DI	5,75	19	1,5	20,5
54	XDA002298	HOÀNG CÔNG LÝ	20/08/1994	Nam	082288774	1		Lạng Sơn	Huyện Hữu Lũng	VA	5,5	SU	7,75	DI	4	17,25	1,5	18,75
55	GHA003728	BÙI THỊ MAI	30/10/1998	Nữ	125791651	2		Bắc Ninh	Thành phố Bắc Ninh	VA	6	SU	6,75	DI	6,25	19	0,5	19,5
56	THP001654	ĐÀO THỊ NGỌC MAI	07/11/1998	Nữ	113699213	1	01	Hoà Bình	Thành phố Hòa Bình	VA	4	SU	5,25	DI	5,5	14,75	3,5	18,25
57	DTS001011	LÙ THỊ MAI	05/07/1998	Nữ	073519081	1	01	Hà Giang	Huyện Hoàng Su Phì	VA	6,5	SU	7	DI	7,25	20,75	3,5	24,25
58	KHA004568	NGÔ THỊ MAI	13/03/1998	Nữ	122279438	1		Bắc Giang	Huyện Hiệp Hòa	VA	7,5	SU	5,5	DI	7,5	20,5	1,5	22
59	THP001668	NGUYỄN THỊ NGỌC MAI	08/11/1998	Nữ	113716096	1		Hoà Bình	Thành phố Hòa Bình	VA	5,25	SU	6,5	DI	7	18,75	1,5	20,25
60	TND004751	NGUYỄN THỊ NGỌC MAI	05/11/1998	Nữ	091879564	2		Thái Nguyên	Thành phố Thái Nguyên	VA	6,5	SU	5	DI	8	19,5	0,5	20
61	DTS001035	NGUYỄN NGỌC MẪN	03/03/1998	Nữ	073414192	1	01	Hà Giang	Huyện Bắc Quang	VA	7	SU	4,25	DI	6,75	18	3,5	21,5
62	TND004927	TRƯƠNG THỊ MINH	06/11/1998	Nữ	091744103	1	01	Thái Nguyên	Huyện Đồng Hỷ	VA	6	SU	5,25	DI	7	18,25	3,5	21,75
63	TND004974	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	26/05/1998	Nữ	091757652	1		Thái Nguyên	Huyện Định Hóa	VA	6,5	SU	5,75	DI	5,25	17,5	1,5	19
64	TND005064	NGUYỄN TRỌNG NAM	16/07/1998	Nam	091757007	1		Thái Nguyên	Huyện Định Hóa	VA	5	SU	4,5	DI	6	15,5	1,5	17

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV U'T	ĐT U'T	Tên tỉnh	Tên quận huyện	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có U'T	Điểm ưu tiên quy đổi	Tổng điểm có U'T
65	DTS001238	HOÀNG THỊ NIÊN	16/07/1998	Nữ	073474728	1	01	Hà Giang	Huyện Quang Bình	VA	7	SU	3,5	DI	6	16,5	3,5	20
66	MDA003841	HOÀNG THỊ NINH	08/01/1998	Nữ	164623694	2NT		Ninh Bình	Huyện Yên Khánh	VA	7,5	SU	6,25	DI	5	18,75	1	19,75
67	THP001800	BÙI THỊ NGÀ	15/12/1997	Nữ	113672372	1	01	Hoà Bình	Huyện Kim Bôi	VA	5,75	SU	7,75	DI	6,25	19,75	3,5	23,25
68	LNH003849	NGUYỄN THỊ NGÀ	31/10/1997	Nữ	001197008848	2		Hà Nội	Huyện Mỹ Đức	VA	6	SU	6,25	DI	6,75	19	0,5	19,5
69	DHS010305	PHAN THỊ NGHĨA	10/10/1998	Nữ	184310560	1		Hà Tĩnh	Huyện Lộc Hà	VA	5,5	SU	5,25	DI	5,5	16,25	1,5	17,75
70	TQU001806	BÀN THỊ MINH NGUYỆT	01/09/1998	Nữ	071019324	1	01	Tuyên Quang	Huyện Chiêm Hóa	VA	6,75	SU	4,25	DI	5,5	16,5	3,5	20
71	LNH004129	HOÀNG VĂN NHẬT	30/09/1998	Nam	017535627	2		Hà Nội	Huyện Mỹ Đức	VA	6,5	SU	6,75	DI	6,5	19,75	0,5	20,25
72	LPH001991	NGUYỄN THỊ NHIÊN	09/06/1998	Nữ	063472506	1	01	Lào Cai	Huyện Bảo Yên	VA	5,5	SU	5	DI	6,5	17	3,5	20,5
73	DTS001218	NGUYỄN CẨM NHUNG	07/02/1998	Nữ	073489204	1		Hà Giang	Huyện Bắc Quang	VA	6,5	SU	4,5	DI	6	17	1,5	18,5
74	TLA008395	PHONG THỊ NHUNG	11/10/1998	Nữ	017453904	2		Hà Nội	Huyện Quốc Oai	VA	6,5	SU	6,5	DI	6	19	0,5	19,5
75	KHA005452	VI THỊ NHUNG	27/08/1998	Nữ	122317657	1	01	Bắc Giang	Huyện Lục Ngạn	VA	6	SU	5	DI	6	17	3,5	20,5
76	TLA008454	ĐỖ THỊ OANH	16/02/1996	Nữ	017287114	2		Hà Nội	Huyện Quốc Oai	VA	4,5	SU	6,75	DI	6,5	17,75	0,5	18,25
77	DTS001313	ĐẶNG THỊ PÍN	29/08/1998	Nữ	073478392	1	01	Hà Giang	Huyện Hoàng Su Phì	VA	6,25	SU	6,5	DI	7,75	20,5	3,5	24
78	HTC001911	GIÀNG A PHÓNG	06/12/1998	Nam	061050248	1	01	Yên Bái	Huyện Mù Cang Chải	VA	5,5	SU	7,25	DI	7,75	20,5	3,5	24
79	LPH002142	NGUYỄN THỊ TUYẾT PHƯƠNG	08/06/1998	Nữ	063469033	1	01	Lào Cai	Huyện Bát Xát	VA	6,5	SU	4,25	DI	5,25	16	3,5	19,5
80	DTS001303	TRIỆU THỊ PHƯƠNG	20/08/1998	Nữ	073466727	1	01	Hà Giang	Huyện Bắc Quang	VA	6,5	SU	3,75	DI	6,5	16,75	3,5	20,25
81	TND006034	TÔ MINH QUANG	20/11/1997	Nam	091971047	1		Thái Nguyên	Huyện Phú Lương	VA	5,25	SU	5,25	DI	7,25	17,75	1,5	19,25

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV U'T	ĐT U'T	Tên tỉnh	Tên quận huyện	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có U'T	Điểm ưu tiên quy đổi	Tổng điểm có U'T
82	DTZ000959	HẠ VĂN QUYẾT	22/07/1998	Nam	095250638	1	01	Bắc Kạn	Huyện Ngân Sơn	VA	6	SU	4,5	DI	4,5	15	3,5	18,5
83	DCN010691	NGUYỄN THU QUỲNH	10/09/1998	Nữ	036198001691	2NT		Nam Định	Huyện ý Yên	VA	6,25	SU	5,5	DI	7,25	19	1	20
84	KHA006157	HÀ ĐỨC SINH	16/06/1998	Nam	122220461	1	01	Bắc Giang	Huyện Sơn Động	VA	5	SU	2,75	DI	6,75	14,5	3,5	18
85	HVN008185	NGUYỄN PHÚ THIÊN SƠN	11/11/1998	Nam	142849064	2NT		Hải Dương	Huyện Tứ Kỳ	VA	5,5	SU	6,75	DI	5,25	17,5	1	18,5
86	NTH004376	LÊ THỊ MINH TÂM	30/07/1998	Nữ	101300673	1		Quảng Ninh	Thị xã Quảng Yên	VA	7	SU	4	DI	6,5	17,5	1,5	19
87	DTN000964	PHẠM THỊ TÂM	17/04/1994	Nữ	034194001028	2NT		Điện Biên	Thị xã Mường Lay	VA	7	SU	5,5	DI	5,5	18	1	19
88	TND006523	ĐÀO NGỌC TÂN	15/10/1998	Nam	091930904	2		Thái Nguyên	Huyện Phú Bình	VA	6,25	SU	7,75	DI	7,75	21,75	0,5	22,25
89	TLA010990	VŨ ĐÌNH TỈNH	19/09/1997	Nam	001097012324	2		Hà Nội	Huyện Quốc Oai	VA	4,25	SU	5,25	DI	8,5	18	0,5	18,5
90	GHA006556	NGUYỄN TIẾN TÙNG	15/04/1997	Nam	125816132	2NT		Bắc Ninh	Huyện Quế Võ	VA	5,5	SU	5,25	DI	7,75	18,5	1	19,5
91	YTB013551	PHẠM THỊ TUYỀN	09/12/1998	Nữ	034198000333	2NT		Thái Bình	Huyện Hưng Hà	VA	6,75	SU	4,25	DI	6	17	1	18
92	THP002280	ĐOÀN VŨ HUYỀN THANH	19/03/1998	Nữ	113652971	1		Hoà Bình	Huyện Cao Phong	VA	7	SU	8,25	DI	7,75	23	1,5	24,5
93	KHA006422	LÊ BÁ THANH	01/07/1998	Nam	122312870	1		Bắc Giang	Huyện Lục Nam	VA	5,5	SU	4	DI	6,75	16,25	1,5	17,75
94	LPH002441	NGUYỄN THỊ THANH	16/01/1998	Nữ	063468787	1		Lào Cai	Huyện Bát Xát	VA	8,5	SU	4,5	DI	6,75	19,75	1,5	21,25
95	KQH012446	VI THỊ THANH	29/03/1998	Nữ	095244945	1	01	Bắc Kạn	Huyện Ba Bể	VA	6,25	SU	3,5	DI	7,25	17	3,5	20,5
96	GHA005360	HOÀNG VĂN THẢO	28/02/1998	Nam	125773953	2		Bắc Ninh	Huyện Yên Phong	VA	5,25	SU	4,75	DI	8,5	18,5	0,5	19
97	DTZ001034	LÔ PHƯƠNG THẢO	21/03/1998	Nữ	095255140	1	01	Bắc Kạn	Huyện Ba Bể	VA	4,5	SU	4,25	DI	6,25	15	3,5	18,5
98	DTZ001035	LÝ THỊ THẢO	29/05/1998	Nữ	095261026	1	01	Bắc Kạn	Huyện Ngân Sơn	VA	4,5	SU	4,75	DI	6,25	15,5	3,5	19

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV U'T	ĐT U'T	Tên tỉnh	Tên quận huyện	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có U'T	Điểm ưu tiên quy đổi	Tổng điểm có U'T
99	KHA006649	NGUYỄN THỊ THẢO	26/01/1998	Nữ	122234902	1		Bắc Giang	Huyện Tân Yên	VA	7	SU	5,25	DI	5,75	18	1,5	19,5
100	TND006810	NGUYỄN THỊ THẢO	10/12/1998	Nữ	091955884	1		Thái Nguyên	Huyện Định Hóa	VA	5,5	SU	6	DI	5	16,5	1,5	18
101	DTZ001050	HOÀNG VĂN THẮNG	09/01/1995	Nam	095211574	1	01	Bắc Kạn	Huyện Ba Bể	VA	6	SU	5	DI	7,25	18,25	3,5	21,75
102	DTS001551	HOÀNG MAI THI	15/12/1997	Nữ	073410262	1	01	Hà Giang	Huyện Bắc Mê	VA	6,5	SU	6,25	DI	5,5	18,25	3,5	21,75
103	DTZ001088	DƯƠNG THỊ THU	24/10/1995	Nữ	095225068	1	01	Bắc Kạn	Huyện Na Rì	VA	5,5	SU	4,75	DI	3,75	14	3,5	17,5
104	DTZ001094	TRIỆU THỊ THU	18/06/1997	Nữ	095273202	1	01	Bắc Kạn	Huyện Ba Bể	VA	4,75	SU	6,75	DI	5	16,5	3,5	20
105	DTK001898	LÃNG THU THỦY	03/05/1998	Nữ	085063396	1	01	Cao Bằng	Huyện Hòa An	VA	6	SU	5	DI	5,5	16,5	3,5	20
106	BKA010645	PHẠM THỊ THỦY	04/10/1997	Nữ	017454260	2		Hà Nội	Huyện Phú Xuyên	VA	7,25	SU	5	DI	5	17,25	0,5	17,75
107	TND007291	NGUYỄN MAI THU'	25/02/1998	Nữ	091876464	2		Thái Nguyên	Thành phố Thái Nguyên	VA	6,5	SU	8,75	DI	9	24,25	0,5	24,75
108	TLA011228	NGÔ THỊ TRANG	21/10/1998	Nữ	017461087	2		Hà Nội	Huyện Quốc Oai	VA	5,5	SU	6,25	DI	7,75	19,5	0,5	20
109	TLA011291	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	24/01/1998	Nữ	017461385	2		Hà Nội	Huyện Quốc Oai	VA	6,5	SU	5,5	DI	7,5	19,5	0,5	20
110	LPH002793	NGUYỄN THỊ THU TRANG	22/11/1998	Nữ	063485969	1		Lào Cai	Huyện Bảo Yên	VA	6,5	SU	8,25	DI	7,5	22,25	1,5	23,75
111	DTS001729	VŨ THỊ TRANG	26/06/1997	Nữ	073466970	1		Hà Giang	Huyện Bắc Quang	VA	6,5	SU	5,25	DI	5	16,75	1,5	18,25
112	NTH005433	NGUYỄN VIỆT TRUNG	06/01/1998	Nam	101321765	2		Quảng Ninh	Thành phố Uông Bí	VA	6	SU	8	DI	7,25	21,25	0,5	21,75
113	DCN013845	NGUYỄN QUANG TRƯỜNG	15/08/1998	Nam	036098005397	2NT		Nam Định	Huyện Hải Hậu	VA	6,25	SU	5,75	DI	7	19	1	20
114	HVN010534	NGUYỄN THỊ UYÊN	06/09/1998	Nữ	142817461	2NT		Hải Dương	Huyện Nam Sách	VA	6,5	SU	5,25	DI	6,25	18	1	19
115	DTK002265	LÂM VĂN VƯƠNG	19/09/1998	Nam	085501408	1	01	Cao Bằng	Huyện Trùng Khánh	VA	5,5	SU	5,5	DI	6,5	17,5	3,5	21

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV U'T	ĐT U'T	Tên tỉnh	Tên quận huyện	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có U'T	Điểm ưu tiên quy đổi	Tổng điểm có U'T
116	SPH011359	CHU THỊ YẾN	18/09/1998	Nữ	001198001176	2		Hà Nội	Huyện Ba Vì	VA	7,5	SU	4,75	DI	6,5	18,75	0,5	19,25
117	TND007592	LÊ THỊ HUYỀN TRANG	24/01/1998	Nữ	091871753	2		Thái Nguyên	Thành phố Sông Công	VA	8	SU	6,25	N1	3,8	18,05	0,5	18,5
118	NTH003602	LƯU BÍCH NGỌC	18/08/1998	Nữ	101290054	2		Quảng Ninh	Thành phố Cẩm Phả	TO	4,75	VA	7	SU	6	17,75	0,5	18,25
119	YTB012640	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	08/12/1998	Nữ	152179574	2NT		Thái Bình	Huyện Kiến Xương	TO	4,75	VA	7	SU	7,5	19,25	1	20,25

HIỆU TRƯỞNG - CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Ký tên, đóng dấu)

PGS.TS Phạm Hồng Quang